

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm và ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ngọc N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ F, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ B, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà N có mặt, ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N trình bày:

Bà N và ông C có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 964/HT, quyền số 05/2002, cấp ngày 01/11/2002. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Bà và ông C không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm không còn, bà N yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Quang H, sinh ngày 28/11/1998 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/12/2001 hiện tại các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổng đạt (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú) Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, nhưng ông C vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà N và ông C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Theo bà N cho biết, bà với ông C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và bà đã khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình, đến nay nhận thấy không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn. Con chung của bà N với ông C (Nguyễn Minh K, sinh 2001) xác định cha mẹ không chung sống khoảng 10 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông C không tham gia. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không quan tâm lẫn nhau. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quang H, sinh ngày 28/11/1998 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/12/2001. Hiện, 02 con chung Quang H và Minh K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn có đăng ký cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 964/HT, quyển số 05/2002, cấp ngày 01/11/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà N yêu cầu xin ly hôn ông C, nêu nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C nhiều lần vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc ly hôn. Từ đó, cho thấy ông C không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, cháu Nguyễn Minh K (con chung của bà N, ông C xác định cha mẹ không chung sống khoảng 10 năm. Do đó, việc bà N yêu cầu xin ly hôn ông C có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Quang H, sinh ngày 28/11/1998 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/12/2001, các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà N không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ngọc N

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Văn C

Về con chung: Nguyễn Quang H, sinh ngày 28/11/1998 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/12/2001 (đã trưởng thành).

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Tô Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0003529 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, bà Tô Thị Ngọc N không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tô Thị Ngọc N có quyền kháng cáo Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát ND Tỉnh AG (1)
- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1)

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc